

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA KINH TẾ**

**NGUYỄN TRUNG HIẾU**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN Ở NAM  
ĐỊNH THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**LUẬN VĂN THẠC SỸ**

**Người hướng dẫn: TS. Đinh Văn Thông**

**Hà nội - 2005**

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CCNKTNT	Cơ cấu ngành kinh tế nông thôn
CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
HTX	Hợp tác xã
KHCN	Khoa học công nghệ
KTNT	Kinh tế nông thôn
LLSX	Lực lượng sản xuất
QHSX	Quan hệ sản xuất
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Mở đầu</b>	8
1. Sự cần thiết của đề tài	8
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	8
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	9
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10
5. Phương pháp nghiên cứu	10
6. Dự kiến đóng góp mới của luận văn	10
7. Bố cục của luận văn	10
<b>Chương 1</b>	
<b>Những vấn đề chung về phát triển kinh tế nông thôn ở Việt Nam</b>	12
1.1. Kinh tế nông thôn và vai trò của phát triển kinh tế nông thôn đối với nền kinh tế quốc dân.	12
<i>1.1.1. Khái niệm kinh tế nông thôn</i>	12
<i>1.1.2. Vai trò của phát triển kinh tế nông thôn đối với nền kinh tế quốc dân</i>	15
1.2. Nội dung của phát triển kinh tế nông thôn nước ta	20
<i>1.2.1. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế ở nông thôn theo hướng CNH, HĐH.</i>	20
<i>1.2.2. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn.</i>	23
<i>1.2.3. Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp</i>	25
<i>1.2.4. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn.</i>	27
<i>1.2.5. Xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn.</i>	29

1.3. Một số nhân tố chủ yếu tác động đến sự phát triển kinh tế nông thôn nước ta trong giai đoạn hiện nay.	30
1.3.1. Hội nhập kinh tế quốc tế.	30
1.3.2. Tác động từ chính sách của nhà nước.	31
1.4. Kinh nghiệm về phát triển kinh tế nông thôn ở một số nước khu vực châu Á.	37
1.4.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản	38
1.4.2. Kinh nghiệm của Đài Loan	39
1.4.3. Kinh nghiệm của Thái Lan	42
<b>Chương 2</b>	
<b>Thực trạng phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định thời kỳ đổi mới</b>	44
2.1. Những đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội có ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định.	44
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên.	44
2.1.2. Đặc điểm kinh tế, xã hội và nhân văn.	45
2.2. Những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định từ khi thực hiện đường lối đổi mới đến nay.	46
2.2.1. Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng từng bước đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi và gắn sản xuất với thị trường.	46
2.2.2. Cơ cấu ngành kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.	53
2.2.3. Kinh tế nông hộ có nhiều chuyển biến tích cực. Đồng thời xuất hiện ngày càng nhiều mô hình tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn.	60
2.2.4. Kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội nông thôn có nhiều tiến bộ, bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới.	65
2.3. Những hạn chế, nguyên nhân và một số vấn đề cần giải quyết trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định thời kỳ đổi mới.	68

2.3.1. Những hạn chế chủ yếu.	68
2.3.1.1. Cơ cấu ngành kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá diễn ra chậm chạp và chưa theo sát yêu cầu của thị trường.	69
2.3.1.2. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh ở nông thôn còn nhiều bất cập, vướng mắc.	70
2.3.1.3. Trình độ khoa học và công nghệ trong hầu hết các lĩnh vực nông – lâm – thủy sản còn lạc hậu, kém phát triển, thiếu đồng bộ.	72
2.3.1.4. Kết cấu hạ tầng nông thôn còn thiếu đồng bộ và còn tương đối lạc hậu.	74
2.3.1.5. Hệ thống thị trường nông thôn còn nhiều bất cập, hạn chế.	76
2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém	77
2.3.3. Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết đối với quá trình phát triển kinh tế nông thôn trong giai đoạn tiếp theo	78

### **Chương 3**

#### **Quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy** 80

#### **Phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định**

3.1. Một số quan điểm định hướng trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định thời gian tới.	80
3.1.1. Gắn phát triển kinh tế nông thôn với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.	80
3.1.2. Phát triển kinh tế nông thôn trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế	81
3.1.3. Phát triển kinh tế nông thôn phải đi đôi với xoá đói giảm nghèo, ổn định xã hội ở nông thôn.	82
3.1.4. Gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo kinh tế nông thôn phát triển bền vững.	83
3.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định trong thời gian tới.	84

<i>3.2.1. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH.</i>	84
<i>3.2.2. Phát triển mạnh mẽ kinh tế nông hộ, kinh tế trang trại và hợp tác xã kiểu mới. Đồng thời đẩy mạnh liên kết kinh tế giữa nông hộ, trang trại, hợp tác xã với các tổ chức kinh tế khác.</i>	92
<i>3.2.3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế nông thôn để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.</i>	96
<i>3.2.4. Tích cực huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phục vụ phát triển kinh tế nông thôn.</i>	100
<i>3.2.5. Phát triển giáo dục và đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế nông thôn.</i>	105
<i>3.2.6. Thúc đẩy việc nghiên cứu ứng dụng và triển khai những tiến bộ mới về khoa học và công nghệ để phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.</i>	106
<i>3.2.7. Mở rộng và phát triển thị trường nông thôn, thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá</i>	108
<b>Kết luận</b>	111
<b>Tài liệu tham khảo</b>	113

## DANH MỤC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu về cây lương thực có hạt	47
Bảng 2.2: Diện tích, sản lượng lúa phân theo vụ	48
Bảng 2.3: Diện tích, sản lượng một số cây củ có bột	49
Bảng 2.4: Tình hình sản xuất một số cây trồng khác	50
Bảng 2.5: Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm	51
Bảng 2.6: Giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá thực tế	51
Bảng 2.7: Tình hình nuôi trồng thủy sản	52
Bảng 2.8. Giá trị kim ngạch xuất khẩu của khu vực KTNT	53
Bảng 2.9. Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp	54
Bảng 2.10. Cơ cấu giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản	55
Bảng 2.11. Sản lượng tôm nuôi phân theo huyện	56
Bảng 2.12. Giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn (theo giá so sánh năm 1994)	57
Bảng 2.13. Giá trị sản xuất thương mại, du lịch, nhà hàng do địa phương quản lý (Theo giá so sánh năm 1994)	59
Bảng 2.14. Một số chỉ tiêu của kinh tế hộ tại thời điểm năm 2001	61
Bảng 2.15. Số người trong độ tuổi lao động ở nông thôn phân theo lĩnh vực hoạt động	61

Bảng 2.16. <i>Tình hình phát triển kinh tế trang trại tại thời điểm năm 2001</i>	63
Bảng 2.17. <i>Tình hình hợp tác xã nông nghiệp tại thời điểm năm 2001</i>	65
Bảng 2.18. <i>Một số chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng nông thôn tại thời điểm năm 2001</i>	66
Bảng 2.19. <i>Trình độ chuyên môn của các chủ trang trại tại thời điểm 2001</i>	72

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài

Việt Nam đến nay vẫn là một nước nông nghiệp, hiện có khoảng 75% dân số và trên 60% lao động sinh sống và làm việc ở nông thôn. Vì vậy, kinh tế nông thôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta. Tuy nhiên, hiện tại kinh tế nông thôn nước ta vẫn đang trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, đời sống nông dân còn rất nhiều khó khăn. Quá trình phát triển kinh tế nông thôn ở nước ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn như sự tác động của cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, xu hướng toàn cầu hoá, quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng... đòi hỏi chúng ta phải có những bước đi, cách làm mới.

Tỉnh Nam Định nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, được xác định là tỉnh trọng điểm nông nghiệp của vùng, ngoài những tiềm năng chung của vùng, Nam Định còn có những lợi thế riêng trong phát triển kinh tế nông thôn. Mặc dù từ khi tiến hành đổi mới đến nay, bộ mặt nông thôn nói chung, kinh tế nông thôn nói riêng của tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật nhưng còn ở mức trung bình so với sự phát triển của vùng, còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh. Đây đang là vấn đề cấp bách cả về lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy, chúng tôi chọn đề tài “***Phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định – Thực trạng và giải pháp***” làm luận văn thạc sĩ.



## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Phát triển kinh tế nông thôn đã và đang được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, vì vậy đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề này. Trong số những công trình đã được xuất bản, công bố có liên quan đến đề tài luận văn, có thể chia thành ba nhóm chủ yếu sau:

- Nhóm tiếp cận vấn đề phát triển KTNT trên phạm vi cả nước, có các công trình: “*Kinh tế nông thôn*”, của T.S Chu Hữu Quý (Chủ biên); “*Giáo trình kinh tế phát triển nông thôn*” của T.S Lê Đình Thắng; “*Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*” của PGS, TS Nguyễn Sinh Cúc; “*Giáo trình phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn*” của PGS, TS Ngô Đức Cát và TS Vũ Đình Thắng; “*Nông nghiệp và nông thôn – những cảm nhận và đề xuất*” của Đào Công Tiến.

- Nhóm tiếp cận vấn đề kinh tế nông thôn trên phạm vi các vùng có các công trình: “*Những biện pháp chủ yếu thúc đẩy CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*” của GS, TS Nguyễn Đình Phan, PGS, TS Trần Minh Hạo, TS Nguyễn Văn Phúc đồng chủ biên; “*Những biện pháp thúc đẩy CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long*” của PGS, TS Phương Ngọc Thạch.

- Nhóm tiếp cận đối với từng vấn đề cụ thể của phát triển kinh tế nông thôn có các công trình: “*Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trong quá trình CNH, HĐH*” của GS, TS Đỗ Hoài Nam; “*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn – những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của TS Lê Đình Thắng; “*Công nghiệp nông thôn – thực trạng và giải pháp*” của TS Nguyễn Văn Phúc; “*Kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp Việt Nam*” của PGS, TS Lâm Quang Huyền; “*Huy động và sử dụng các nguồn lực trong phát triển kinh tế nông thôn – Thực trạng và giải pháp*” của TS Chu Tiến Quang.

Các công trình trên đã nghiên cứu, luận giải sâu sắc những cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình phát triển kinh tế nông thôn với phạm vi và

mức độ khác nhau. Đó là những tiền đề vô cùng quan trọng để chúng tôi có thể kế thừa và phát huy trong quá trình thực hiện luận văn.

Tuy nhiên, nghiên cứu về phát triển kinh tế nông thôn của từng tỉnh, trong đó có Nam Định đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện dưới góc độ kinh tế chính trị học.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích của luận văn là đề xuất những giải pháp chủ yếu để đẩy nhanh phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định.

Để đạt được mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ:

- Luận giải cơ sở lý luận về kinh tế nông thôn và rút ra một số bài học kinh nghiệm từ thực tiễn phát triển kinh tế nông thôn của một số nước khu vực châu Á

- Phân tích thực trạng của quá trình phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định – những thành tựu, tồn tại, yếu kém của nó.

- Đề xuất quan điểm định hướng và những giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định trong giai đoạn tiếp theo.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận văn lấy kinh tế nông thôn ở Nam Định làm đối tượng nghiên cứu.

Luận văn nghiên cứu phát triển kinh tế nông thôn dưới góc độ kinh tế chính trị học và chỉ giới hạn nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Nam Định từ khi tỉnh tái thành lập vào năm 1997 cho đến nay.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm phương pháp nghiên cứu chủ yếu

- Luận văn cũng sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp logic – lịch sử, phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp hệ thống...

### **6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn**

- Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về kinh tế nông thôn

- Phân tích và đánh giá tương đối có hệ thống và toàn diện trên cơ sở khoa học về thực trạng phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định

- Đưa ra những quan điểm định hướng và giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định

## **7. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn bao gồm 3 chương:

*Chương 1: Những vấn đề chung về phát triển kinh tế nông thôn ở Việt Nam*

*Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định thời kỳ đổi mới*

*Chương 3: Quan điểm và những giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế nông thôn ở Nam Định*

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM

**1.1. Kinh tế nông thôn và vai trò của phát triển kinh tế nông thôn đối với nền kinh tế quốc dân.**

### ***1.1.1. Khái niệm kinh tế nông thôn***

Để có thể hiểu được khái niệm “Kinh tế nông thôn”, chúng ta cần phải bắt đầu từ khái niệm “nông thôn”. Theo định nghĩa trong Từ điển tiếng Việt thì khái niệm “nông thôn” được hiểu là *khu vực dân cư tập trung chủ yếu làm nghề nông*. Cũng có quan niệm cho rằng *nông thôn dùng để chỉ một địa bàn mà ở đó sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn.*[2-351]

Trong thực tế, nông thôn là nơi sinh sống và quy tụ thành thôn/xóm, làng xã của những người làm nghề nông. Xét các mặt cụ thể, nông thôn có những đặc trưng sau:

*Về địa lý tự nhiên:* nông thôn là địa bàn rộng lớn bao quanh các đô thị.

*Về kinh tế:* nông thôn là địa bàn hoạt động chủ yếu của các ngành sản xuất vật chất nông- lâm- ngư nghiệp. Ngoài ra nó còn có các ngành nghề phi nông nghiệp như: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

*Về tổ chức xã hội- cơ cấu dân cư:* ở nông thôn chủ yếu là nông dân và gia đình họ với mật độ cư dân thấp. Ngoài ra có một số người làm việc ở nông thôn nhưng sống ở đô thị; một số người làm việc ở đô thị nhưng sống ở nông thôn.

*Về văn hoá:* nông thôn là nơi bảo tồn lưu giữ các di sản văn hoá truyền thống chủ yếu của dân tộc như: phong tục, tập quán cổ truyền, các ngành nghề truyền thống, các di tích lịch sử.

*Về trình độ dân trí, khoa học công nghệ và kết cấu hạ tầng:* thấp kém, thua xa so với đô thị.

Từ những nhận định trên, chúng tôi cho rằng *nông thôn là một vùng khác đô thị ở chỗ: đó là nơi sinh sống và làm việc của cộng đồng những người nông dân, có mật độ dân cư thấp, kết cấu hạ tầng kém phát triển, trình độ tiếp cận thị trường và sản xuất hàng hoá còn nhiều hạn chế.*

Ở nước ta, nông thôn luôn gắn liền với làng xã vì làng xã cũng chỉ những khu vực tụ cư của người nông dân, lấy sản xuất nông nghiệp làm nền tảng của xã hội truyền thống, tạo thành các cộng đồng khác nhau như cộng đồng về khu vực cư trú, cộng đồng về khu vực canh tác, cộng đồng về thiết chế tổ chức, cộng đồng sinh hoạt văn hoá, tập tục... các cộng đồng làng xã này tồn tại và phát triển mang nặng tính chất truyền thống. Trải qua hàng ngàn năm, những thăng trầm của lịch sử, các cộng đồng làng xã vẫn tồn tại vững chắc với tư cách là đơn vị tổ chức nhà nước cơ sở, cuối cùng của mọi hình thái nhà nước. Cho nên muốn hiểu được xã hội Việt Nam truyền thống và cả hiện nay thì cần bắt đầu từ chính làng xã Việt Nam- tức nông thôn Việt Nam.

Nông thôn Việt Nam xét về bản chất là mô hình làng xã Việt Nam đồng thời là mô hình kinh tế - xã hội khép kín mang nặng tính tự cấp, tự túc, lấy nghề nông làm gốc; lấy kỹ thuật thâm canh lúa nước với tiểu thủ công nghiệp làm công nghệ chuẩn; lấy đất đai tự nhiên và sức lao động thủ công

cùng với các nông cụ thô sơ làm lực lượng sản xuất; lấy mô hình gia đình làm đơn vị tổ chức sản xuất hàng đầu; lấy lệ làng, hương ước làm thiết chế xã hội.

Sự biến đổi, phát triển của kinh tế ở nông thôn luôn gắn liền với sự biến đổi của làng xã, công xã nông thôn vì nó là nét tiêu biểu cho mỗi giai đoạn lịch sử vốn có của nền văn minh lúa nước. Các quan hệ kinh tế nông thôn bị chi phối bởi quan hệ tập tục của làng xã, trong đó tiêu biểu là quan hệ ruộng đất. Ngày nay nông thôn Việt Nam đã thay đổi rất nhiều về cả nghề nghiệp và kiến trúc quần cư. Ở một số vùng nông thôn nước ta, nông dân không chỉ sống bằng nghề nông là chính, thậm chí nghề nông chỉ còn là một nghề phụ. Hình ảnh lũy tre làng, bến nước, sân đình được thay thế bởi các khu vực đô thị hoá, đã trở thành “phố làng” nhưng vẫn được coi là nông thôn, là “quê mùa” trong cách nghĩ của người dân Việt Nam. Sự biến đổi này có lẽ vừa mang tính tích cực nhưng lại tiềm ẩn những tiêu cực. Những tiêu cực này có thể sẽ “phá vỡ” tính cộng đồng của làng xã, “phá huỷ” truyền thống, tập quán, văn hoá tốt đẹp đã được hình thành từ nghìn đời nay.

Như vậy, nông thôn là một khái niệm dùng để phân biệt với thành thị. Vì vậy, “kinh tế nông thôn” cũng là khái niệm dùng để phân biệt với kinh tế đô thị của nền kinh tế quốc dân. Khi nói đến KTNT, chúng ta thường liên tưởng tới một địa bàn mà ở đó hoạt động sản xuất nông nghiệp (hiểu theo nghĩa rộng) là chủ yếu. Nhưng ngày nay, do sự phát triển của LLSX và phân công lao động xã hội nên ở khu vực nông thôn, không chỉ đơn thuần chỉ có hoạt động sản xuất nông nghiệp mà còn phát triển cả các hoạt động phi nông nghiệp rất phong phú, đa dạng. Những hoạt động phi nông nghiệp này, từ các loại ngành, nghề thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đến các loại dịch vụ kinh tế, kỹ thuật, công nghiệp và văn hoá, xã hội, cung ứng đầu vào cho nông nghiệp, giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, chế biến nâng cao giá trị nông sản, và khơi luồng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...

Chính vì vậy, khi bàn về KTNT, đã có rất nhiều khái niệm khác nhau về nó. Có quan niệm cho rằng: *KTNT là một khái niệm dùng để thể hiện một tổng thể các hoạt động kinh tế – xã hội diễn ra trên địa bàn nông thôn*. [36 - 38]; quan niệm khác lại xác định: *KTNT là một phức hợp những nhân tố cấu thành của LLSX và QHSX trong nông – lâm – ngư nghiệp, cùng với các ngành thủ công nghiệp truyền thống, các ngành tiểu – thủ công nghiệp, công nghiệp, công nghiệp chế biến và phục vụ nông nghiệp, các ngành thương nghiệp và dịch vụ...tất cả có quan hệ hữu cơ với nhau trong kinh tế vùng và lãnh thổ và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân*. [2-351].

Như vậy, có thể nhận thấy các nhà nghiên cứu thường tiếp cận khái niệm KTNT dưới góc độ các ngành nghề hoạt động diễn ra trên địa bàn nông thôn, cách tiếp cận đó là hoàn toàn có cơ sở, khoa học. Tuy nhiên, nó chưa phản ánh được một cách đầy đủ, toàn diện nội hàm của khái niệm KTNT. Bởi vì KTNT vừa mang những đặc trưng chung của nền kinh tế quốc dân về LLSX và QHSX, về cơ chế kinh tế...vừa có những đặc điểm riêng gắn liền với nông nghiệp, nông thôn. Nó bao quát tất cả các mặt, các phạm vi, các chiều cạnh chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội diễn ra và biến đổi trên địa bàn nông thôn.

### **1.1.2. Vai trò của phát triển kinh tế nông thôn đối với nền kinh tế quốc dân.**

#### **1.1.2.1. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho xã hội.**

Nhu cầu về lương thực, thực phẩm là nhu cầu đầu tiên, thiết yếu, cơ bản của đời sống con người trong mọi xã hội. Nếu không tiến hành sản xuất của cải vật chất, trước hết là lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu về ăn uống để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động thì không thể tiến hành mọi hoạt động của xã hội.

Lương thực, thực phẩm không những nhằm đáp ứng nhu cầu để duy trì và cải thiện đời sống nông dân mà còn cung cấp thức ăn cho chăn nuôi phát triển cân đối với trồng trọt, thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của trồng trọt và

tăng thêm nguồn thực phẩm cho con người; nó còn có vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu tăng dự trữ của nông nghiệp để đề phòng thiên tai, bảo đảm duy trì và phát triển bình thường sản xuất và đời sống nhân dân, tăng cường khả năng bảo vệ đất nước. Đối với những nước nông nghiệp như Việt Nam sản xuất ra lương thực, thực phẩm là vấn đề hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế – xã hội. Thực tế cho thấy, mỗi khi nông nghiệp mất mùa, tình hình cung cấp lương thực, thực phẩm trở nên căng thẳng thì nhịp độ phát triển của các ngành kinh tế, các lĩnh vực hoạt động trong xã hội đều ảnh hưởng, thu nhập và chi tiêu của ngân sách nhà nước cũng như tình hình thị trường và giá cả đều có những biến động lớn

Xã hội càng phát triển, đời sống con người ngày càng được nâng cao thì nhu cầu về lương thực, thực phẩm cũng ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, chủng loại do dân số tăng và nhu cầu nâng cao mức sống của con người. Các nhà kinh tế đều khẳng định điều kiện tiên quyết cho sự phát triển là tăng cung lương thực, thực phẩm cho xã hội bằng sản xuất hoặc nhập khẩu chúng. Có thể chọn con đường nhập khẩu lương thực, thực phẩm để dành nguồn lực làm việc khác hiệu quả hơn. Nhưng điều đó chỉ phù hợp với một số ít nước như Singapore, Brunei mà không dễ gì đối với các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Braxin, Việt Nam... Các nước đông dân này muốn phát triển kinh tế, đời sống nhân dân được ổn định thì phần lớn lương thực, thực phẩm tiêu dùng phải được sản xuất trong nước. Lịch sử phát triển các nước đã chứng minh chỉ có thể phát triển kinh tế một cách nhanh chóng chừng nào quốc gia đó đã có an ninh lương thực. Nếu không đảm bảo an ninh lương thực thì khó có sự ổn định chính trị và thiếu sự đảm bảo cơ sở pháp lý, kinh tế cho sự phát triển.

#### ***1.1.2.2. Góp phần tạo tiền đề cho việc thực hiện CNH, HĐH đất nước***

- Phát triển KTNT tạo nguồn vốn tích lũy quan trọng cho quá trình CNH, HĐH, trước hết là CNH, HĐH chính bản thân nông nghiệp, nông thôn. Thực chất đó là sự tích lũy về tư liệu sinh hoạt và tư liệu sản xuất, nghĩa là



khi sản phẩm của lao động nông nghiệp đã vượt quá mức lao động tất yếu và số lượng sản phẩm thặng dư đó phục vụ cho các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải... thì lao động công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải.. lại chính là lao động thặng dư.

- Nông nghiệp, nông thôn là thị trường quan trọng cho công nghiệp và dịch vụ phát triển vì ở những nước đang phát triển phần lớn lao động và dân cư sinh sống ở nông thôn. Ở hầu hết các nước đang phát triển, sản phẩm công nghiệp, bao gồm tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng được tiêu thụ chủ yếu dựa vào thị trường trong nước, trước hết là khu vực nông thôn. Sự thay đổi về cầu của khu vực nông thôn sẽ có tác động trực tiếp đến sản lượng ở khu vực phi nông nghiệp. Khi nông nghiệp, nông thôn càng phát triển thì nhu cầu về hàng hoá tư liệu sản xuất như: thiết bị máy móc nông nghiệp, điện năng, phân bón, thuốc trừ sâu, ...càng tăng và nhu cầu về các dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp như: vốn, thông tin liên lạc, giao thông vận tải, thương mại...cũng tăng. Mặt khác, sự phát triển của KTNT còn làm tăng thu nhập của dân cư nông thôn, sức mua tăng làm cho cầu từ khu vực này về các loại sản phẩm công nghiệp như tivi, tủ lạnh, xe máy... và dịch vụ y tế, giáo dục, thể thao, du lịch ...cũng tăng theo.

- Khu vực nông thôn là nguồn cung cấp nhân lực quan trọng cho quá trình CNH, HĐH. Lực lượng lao động ở nông thôn của các nước đang phát triển là nguồn dự trữ và cung cấp lao động cho phát triển công nghiệp và đô thị. Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hoá, phần lớn dân cư sống bằng nông nghiệp và tập trung ở nông thôn nên đây là khu vực dự trữ nguồn nhân lực dồi dào cho sự phát triển của công nghiệp và đô thị. Quá trình công nghiệp hoá, một mặt tạo ra nhu cầu lớn về lao động, mặt khác nhờ đó mà năng suất lao động nông nghiệp không ngừng tăng lên, dẫn đến ngày càng nhiều lao động nông nghiệp được giải phóng. Số lao động này sẽ dịch chuyển, bổ sung cho sự phát triển của công nghiệp và đô thị. Đó là xu hướng có tính quy luật của mọi quốc gia trong quá trình CNH, HĐH đất nước.

***1.1.2.3. Góp phần thực hiện đô thị hoá nông thôn, phân công lại lao động trong nông thôn, giảm sức ép về việc làm, giảm sự chênh lệch về kinh tế và đời sống giữa nông thôn và thành thị.***

Cùng với sự phát triển của đất nước, LLSX ngày càng phát triển, KTNT phát triển không ngừng. Mặt khác do sự phát triển nhanh của khu vực đô thị sẽ tác động lớn đến nông thôn, thúc đẩy KTNT phát triển nhanh, từ đó, thực hiện đô thị hoá nông thôn, biến nông thôn từ chỗ thuần nông, lạc hậu, tự cung tự cấp trở thành nơi cung cấp hàng hoá và sức lao động cho thành thị. Thành thị phát triển tạo ra nhu cầu thực sự đối với nông thôn. KTNT phát triển làm thay đổi bộ mặt nông thôn, hình thành các thị tứ, thị trấn, "phố làng", từ phát triển các làng nghề truyền thống, từ ngoại vi những nhà máy lớn được hình thành với các ngành dịch vụ mới, gắn với thương mại. Phát triển KTNT góp phần đô thị hoá sẽ thu hút các nhà đầu tư bỏ vốn, tăng thu ngân sách cho nhà nước. Khi lương thực có sự dư thừa, có thể dùng một phần khối lượng lương thực phục vụ trực tiếp cho chăn nuôi, bảo vệ động vật, giống con mới và những khâu, những bộ phận chế biến thực phẩm... hình thành nên những cơ sở công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, những trung tâm dịch vụ khoa học – kỹ thuật, trung tâm cung ứng, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ngay tại các vùng nông thôn.

Đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay, KTNT là một bộ phận kinh tế quan trọng, có vai trò rất lớn trong việc xây dựng, phát triển của nền kinh tế quốc dân. Thực tiễn phát triển KTNT trong những năm thực hiện đổi mới cho thấy, chỉ có thể phát triển kinh tế nông nghiệp, đảm bảo được lương thực, thực phẩm mới có điều kiện để phát triển các ngành nghề khác, và đặc biệt là phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, thực hiện phân công và phân công lại lao động trong nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm tại chỗ cho số lao động dư thừa trong nông nghiệp, nông thôn ngày càng nhiều, nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn, giảm sức ép của sự chênh lệch kinh tế và đời sống giữa thành thị với nông thôn, giữa vùng phát triển với vùng kém

phát triển. Các làng nghề truyền thống, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được khôi phục, mở rộng và phát triển, đã xuất hiện những mô hình kinh tế mới ở các địa phương mà ở đó tỷ trọng lao động trong nông nghiệp đã giảm, còn đối với các ngành nghề khác đã có chiều hướng tăng lên rõ rệt. Từ đó làm cho phân công lao động xã hội ở nông thôn phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu

Khi sản xuất nông nghiệp đã bảo đảm được về lương thực, thực phẩm thì trở thành điều kiện để nhanh chóng chuyển KTNT theo hướng CNH, HĐH. Quá trình đó là quy luật phát triển nền kinh tế - xã hội ở nước ta, nhằm đưa nền kinh tế còn mang nặng dấu ấn tự nhiên sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

#### ***1.1.2.4. Tạo cơ sở vật chất cho sự phát triển văn hoá ở nông thôn***

Trong quá trình phát triển, hai lĩnh vực kinh tế và văn hoá có mối quan hệ biện chứng tác động thúc đẩy nhau, trong đó kinh tế giữ vai trò quyết định, văn hoá có vị trí quan trọng, tác động trở lại đối với quá trình phát triển kinh tế theo chiều: thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Trong đời sống kinh tế ở nông thôn, vốn là vùng kinh tế lạc hậu, sản xuất và sinh hoạt phân tán, nhỏ bé, nhiều hủ tục theo lệ làng, ít theo luật pháp thống nhất...thì mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá càng thể hiện rõ rệt. Khi KTNT được phát triển, đời sống vật chất của dân cư nông thôn được nâng lên thì chính là cơ sở, điều kiện để giữ gìn, phát huy truyền thống văn hoá xã hội tốt đẹp, vừa loại trừ được những luồng tư tưởng độc hại, lạc hậu; vừa tổ chức tốt đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh.

Theo số liệu thống kê, khi bước vào thời kỳ đổi mới, tỷ lệ nghèo đói ở nước ta còn cao, trong khi đó ở nông thôn chiếm phần lớn số hộ đói nghèo của cả nước, đặc biệt là ở vùng núi, tỷ lệ nghèo đói rất cao, từ 40% - 50%. Vì đời sống kinh tế khó khăn, nên đời sống văn hoá tinh thần cũng còn nhiều thiếu thốn. Nhiều địa phương, nhiều vùng ở nhiều lứa tuổi khác nhau không có điều kiện, thời gian quan tâm đến đời sống văn hoá, tinh thần mà chỉ lo

lãng quên tâm trí và sức lực vào sản xuất, mưu cầu cuộc sống vật chất. Một số địa phương vùng núi, Tây Nguyên, vùng xa xôi hẻo lánh không có điện, tivi, phim ảnh, sách báo... nên họ đã bị "mù chữ" lại bị "mù" luôn cả văn hoá. Hơn nữa, do điều kiện kinh tế không đảm bảo đã dẫn đến các loại bệnh tật phát triển, suy dinh dưỡng, giảm trí tuệ... các tệ nạn xã hội có cơ hội phát triển như cúng bái, mê tín dị đoan, cờ bạc...

Những thành tựu kinh tế - xã hội những năm qua đã chứng tỏ rằng, ở địa phương nào, KTNT được chú trọng phát triển, nông nghiệp và các ngành nghề khác, nhất là các ngành nghề truyền thống được phát triển, giải quyết tốt việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động thì ở đó có được môi trường văn hoá lành mạnh. Các địa phương xây dựng nhà văn hoá, nhà truyền thống, thư viện, bưu điện, trường học... đảm bảo cho nhân dân tiếp cận với nền văn hoá hiện đại, văn minh và qua đó đã đáp ứng kịp thời nhu cầu văn hoá tinh thần cho họ. Những hủ tục lạc hậu bị đẩy lùi, nhiều tệ nạn, tập quán xấu được khắc phục như nạn cờ bạc, cưới tảo hôn, sinh đẻ vô kế hoạch... Nhiều phong trào đã và đang được mọi người dân ở nông thôn cả nước đón nhận hết sức tự giác như phong trào đến ơn đáp nghĩa, lá lành đùm lá rách, uống nước nhớ nguồn...

Như vậy, khi KTNT phát triển sẽ tạo điều kiện vật chất cực kỳ quan trọng để thực hiện phát triển văn hoá ở nông thôn. Đồng thời khi đời sống văn hoá tinh thần của người lao động được đảm bảo, sẽ trở thành động lực mạnh mẽ tác động trở lại đối với quá trình phát triển KTNT nói riêng, nền kinh tế - xã hội nói chung.

## **1.2. Nội dung của phát triển kinh tế nông thôn nước ta**

### ***1.2.1. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế ở nông thôn theo hướng CNH, HĐH.***

CCNKTNT thể hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa các ngành trong nông thôn: nông nghiệp (theo nghĩa rộng), công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Dựa trên các đặc điểm về tự nhiên - kinh tế - kỹ thuật để phân